

Sô: 115 /BC-MNDT

Diễn Thái, ngày 30 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non Diễn Thái

2. Địa chỉ: Điểm 1. Xóm 3, Điểm 2 Xóm 10 – xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An.

3. Loại hình trường: Trường hoạt động theo quy chế tổ chức của trường công lập

- Số điện thoại: 0973191323

-Địa chỉ thư điện tử: mndienthai.dc@nghean.edu.vn

- Trang thông tin điện tử:[http:// mamnondienthai.dienchau.edu.vn](http://mamnondienthai.dienchau.edu.vn)

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của đơn vị

- Sứ mệnh:

Tạo được cảnh quan trường học xanh, sạch, đẹp, môi trường học tập an toàn, lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực học đường. Có đủ phòng học và các phòng chức năng thoáng mát, rộng rãi, chất lượng chăm sóc giáo dục cao, để mỗi trẻ đều có cơ hội rèn luyện kỹ năng, phát triển tư duy, phát triển tính tích cực chủ động, sáng tạo của trẻ, phát triển hết tài năng của mình xứng đáng là “ngôi trường hạnh phúc”

- Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2030, Trường Mầm non Diễn Thái là trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 phát triển theo hướng tiên tiến hội nhập Quốc tế để mỗi trẻ em có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành những công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội; Là một trong những ngôi trường mà phụ huynh sẽ lựa chọn cho con em mình để được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt nhất, nơi giáo viên luôn hạnh phúc và có khát vọng vươn cao.

Giá trị cốt lõi

+ Tính đoàn kết +Lòng nhân ái

+Tình thần trách nhiệm + Sự hợp tác

+ Lòng tự trọng + Tính sáng tạo

+Tính trung thực + Khát vọng vươn lên

+ Mục tiêu:

- Mục tiêu chung

Triển khai tốt Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản,

toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết của Quốc hội về Đổi mới chương trình giáo dục mầm non.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN, đổi mới công tác quản trị nhà trường; tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong công tác quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ; Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN.

Tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ; đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương; thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; mô hình “Phối hợp gia đình- nhà trường và cộng đồng trong CSGD trẻ”; xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học theo hướng tăng cường cho trẻ thực hành, trải nghiệm, phát triển thể chất; đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao và toàn diện, từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh khi gửi con vào trường. Phấn đấu đến năm 2030 nhà trường phấn đấu đạt KĐCLGD cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của đơn vị

Trường mầm non Diên Thái đóng trên địa bàn xóm 3 và xóm 10, xã Diên Thái, huyện Diên Châu, Nghệ An. Một xã thuộc vùng đồng bằng, nghề chính là nông nghiệp, cách trung tâm huyện Diên Châu khoảng 10 km về phía Tây. Có vị trí tiếp giáp với các xã như: Phía Bắc giáp Phú Thành, phía Đông giáp Diên Đồng, phía Nam giáp Diên Nguyên, phía Tây giáp Hợp Thành.

- Trường mầm non Diên Thái được sát nhập từ nhà trẻ và trường mẫu giáo xã Diên Thái từ tháng 01 năm 1995 với tên gọi "Trường mầm non Diên Thái" tháng 01/2010 trường được chuyển đổi thành trường mầm non bán công theo quyết định thành lập số 145/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2010. Năm học 2011-2012 trường được chuyển đổi thành trường mầm non công lập tự chủ 1 phần kinh phí theo QĐ số 1002/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diên Châu. Trường đóng trên địa bàn xóm 3 cụm 1 và xóm 10 cụm 2 xã Diên Thái, có tổng diện tích là 7.013m². Diện tích sân vườn là 4.183 m²/7013m² chiếm 59,87% tổng diện tích khuôn viên. Trường xây dựng kiên cố gồm 8 phòng học, 7 phòng học bán kiên cố. Trường có đủ phòng học và các phòng chức năng, hệ thống trang thiết bị cơ bản đáp ứng cho mọi hoạt động và công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo tiêu chuẩn Bộ giáo dục đào tạo quy định.

Hiện tại nhà trường có tổng số CBGVNV: 42 người. Trong đó CBQL: 03, trình độ trên chuẩn 100%, GV: 27 trình độ đạt chuẩn 100% và trên chuẩn 88%; NV kế toán: 01 có trình độ trên chuẩn; Nhân viên nấu ăn: 09 có chứng chỉ và bằng trung cấp chế biến món ăn cho mầm non; nhân viên bảo vệ: 02. Đội ngũ giáo viên nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết

thống nhất, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi hoạt động, yêu nghề, tận tâm, tận lực gương mẫu chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Trường Mầm non Diễn Thái sau nhiều năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của xã Diễn Thái. Nhiều năm liền trường được UBND huyện Diễn Châu tặng danh hiệu; Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể lao động tiên tiến xuất sắc. Trường giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1, KĐCLGD cấp độ 2 năm học 2022-2023. Điều đó khẳng định về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường có bước tiến bộ và đóng góp nhiều trong sự nghiệp Giáo dục mầm non.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Bà Nguyễn Thị Lý

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 3, Diễn Thái, Diễn Châu, Nghệ An.

Số điện thoại: 0973191323

Gmail: Coly1008@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục.

Trường mầm non Diễn Thái được thành lập theo Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2010 của UBND huyện Diễn Châu về việc thành lập Trường mầm non. Ngày 09 tháng 6 năm 2011 trường được chuyển đổi loại hình trường mầm non Bán công sang trường mầm non Công lập tự chủ một phần kinh phí theo Quyết định số 958/QĐ-UB của UBND huyện Diễn Châu.

b, Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường Mầm non(ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020TT- BGDDT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND huyện Diễn Châu nhiệm kỳ 2020- 2025 do Phó chủ tịch UBND huyện Diễn Châu Phạm Xuân Sánh ký.

Hội đồng trường gồm 9 thành viên: như sau:

TT	Học và tên	Ngày sinh	Chức vụ chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lý	10/08/1976	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	
2	Phan Thị Nhung	10/04/1973	PBT chi bộ - P Hiệu trưởng	
3	Đặng Thị Xuân	20/11/1976	Phó Hiệu trưởng	

4	Lê Thị Vân	10/06/1977	Tổ phó CM khối MG Bé + NT.	
5	Đinh Thị Trang	17/10/1985	Phó Chủ tịch UBND xã	
6	Nguyễn Thị Huyền	06/10/1995	Bí Thư Đoàn TN.	
7	Nguyễn Thị Lương	1/05/1985	TTCM khối MG lớn + MN nhỏ.	
8	Lưu Thị Hoa	03/07/1984	Chủ tịch công đoàn	
9	Đinh Việt Nam	16/10/1962	Trưởng ban đại diện CMHS	

Bà Nguyễn Thị Lý; làm chủ tịch Hội đồng- Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; Bà Lê Thị Vân. TTCM làm thư kí Hội đồng

c, Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Trường MN Diễn Thái có Hiệu trưởng và đủ các phó hiệu trưởng theo quy định tại điều lệ trường mầm non.

- Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Lý ; Sinh Ngày 10/08/1976

Luân chuyển và bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường mầm non Diễn Thái theo Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu.

- Phó Hiệu trưởng; Bà Phan Thị Nhung; Sinh ngày 12/04 /1973 được bổ nhiệm phó hiệu trưởng theo Quyết định số 2015/UBND ngày 30/08/2017 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu.

- Phó hiệu trưởng; Bà Đặng Thị Xuân; sinh ngày 20/11/1976Luân chuyển và bổ nhiệm làm phó Hiệu trưởng Trường mầm non Diễn Thái theo Quyết định số 2293/QĐ- UBND ngày 06/08/2021 của Chủ Tịch UBND Huyện Diễn Châu

d.Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Quy chế tổ chức và hoạt động trường Mầm non Diễn Thái

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, trẻ em trong nhà trường; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ

trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa lịch sử và truyền thống của nhà trường

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình trẻ, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận trẻ em từ 24- 72 tháng tuổi, quản lý trẻ em theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non trẻ em 5 tuổi.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, trẻ em tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản CSVC, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về chất lượng giáo dục, đánh giá và thực hiện kiểm định chất lượng chăm sóc, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng chăm sóc, giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động chăm sóc, giáo dục; bảo đảm việc tham gia của trẻ em, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

+ 01 Hội đồng trường gồm 09 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 31 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 31 đoàn viên

+ Ban đại diện CMHS gồm 15 thành viên.

+ Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn và bộ phận văn phòng

đ, Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm và lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Nguyễn Thị Lý	HT	0989262374	Coly1008@gmail.com
2	Đặng Thị Xuân	PHT	0337181829	Xuandt20/@gmail.com
3	Phan Thị Nhung	PHT	0964805377	Phannhungqc@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Diễn Thái, Điểm 1 tại xóm 3, Điểm 2 xóm 10, xã Diễn Thái.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Quản lý, tiếp nhận trẻ từ 24- 72 tháng tuổi, cho phép trẻ chuyển trường; quyết định khen thưởng trẻ em; phê duyệt kết quả đánh giá trẻ em,

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng thi đua trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình chuyển đổi, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hiệu

trưởng, phó hiệu trưởng.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

e, Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2030

- Quy chế dân chủ

- Các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng

- Các quy chế nội bộ khác: Quy chế làm việc; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế thi đua-khen thưởng; Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở,...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm được phê duyệt	Số lượng người hiện có
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)		
1	Hiệu trưởng	01	01
2	Phó hiệu trưởng	02	02
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		
1	Giáo viên mầm non hạng I		
2	Giáo viên mầm non hạng II	14	14
3	Giáo viên mầm non hạng III	13	13
4	Giáo vụ		
5	Tư vấn tâm lý học sinh		
6	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		
III	Danh sách vị trí việc làm chuyên môn dùng chung		
1	Thư viện viên hạng II		
2	Thư viện viên hạng III		
3	Thư viện viên hạng IV		
4	Chuyên viên về quản trị công sở		
5	Kế toán viên	01	01
6	Kế toán viên trung cấp		
7	Chuyên viên thủ quỹ		
8	Cán sự thủ quỹ		
9	Nhân viên thủ quỹ		
10	Văn thư viên		
11	Văn thư viên trung cấp		
12	Y tế học đường		
IV	Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		
1	Nhân viên bảo vệ	02	02
2	Nhân viên nấu ăn	09	09
3	Nhân viên phục vụ		

Tổng	42		
------	----	--	--

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;
 Tổng số CBGV: 30 Đạt chuẩn: 30/30, tỉ lệ 100%

c. Số lượng, tỷ lệ Cán bộ quản lý, giáo viên, hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định. Tổng số CB,GV, NV: 31; Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 31/31 đạt 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng diện tích khu đất là: 7,013m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 HS: 15,6m², đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGD&ĐT

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ BÌNH QUÂN
I	Tổng số phòng		
II	Loại phòng học	15	
1	Phòng học kiên cố	08	
2	Phòng học bán kiên cố	07	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	7.013 m ²	15,6 m ² / trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	2.985 m ²	6,6 m ²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	55 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	25 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	10 m ²	
4	Diện tích sân chơi (m ²)	2,4 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	55 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	55 m ²	
7	Diện tích Phòng hiệu trưởng	25 m ²	
8	Diện tích Phòng phó hiệu trưởng	20 m ²	
9	Diện tích Văn phòng trường	60 m ²	
10	Diện tích phòng bảo vệ	15 m ²	
11	Diện tích phòng nhân viên	15 m ²	
12	Diện tích nhà bếp (m ²)	80 m ²	0,17 m ²

VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1.540 bộ	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1,520 bộ	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	20 bộ	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	16	8 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	19	
2	Nhạc cụ (Đàn óc gan ghi ta, trống)	10	
3	Đầu đĩa vi deo	05	
4	Thiết bị khác(Giá góc)	80	
5	Đồ chơi ngoài trời	17	
6	Bàn ghế đúng quy cách	240 bộ	15 bộ/lớp
7	Thiết bị tủ lạnh	02	
8	Tủ cơm ga, tủ sấy bát. vv	04	

IV. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA.

1. Kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả đạt		
			Đạt		
			Mức 1	Mức 2	Mức 3
	Tiêu chí 1.1	0	x	x	x
	Tiêu chí 1.2	0	x	x	
	Tiêu chí 1.3	0	x	x	x
	Tiêu chí 1.4	0	x	x	x
	Tiêu chí 1.5	0	x	x	x
	Tiêu chí 1.6	0	x	x	x
	Tiêu chí 1.7	0	x	x	
	Tiêu chí 1.8	0	x	x	
	Tiêu chí 1.9	0	x	x	
	Tiêu chí 1.10	0	x	x	

Tiêu chí 2	Cán bộ, giáo viên, nhân viên			
Tiêu chí 2.1	0	x	x	x
Tiêu chí 2.2	0	x	x	x
Tiêu chí 2.3	0	x	x	x
Tiêu chuẩn 3	Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học			
Tiêu chí 3.1	0	x	x	x
Tiêu chí 3.2	0	x	x	x
Tiêu chí 3.3	0	x	x	
Tiêu chí 3.4	0	x	x	x
Tiêu chí 3.5	0	x	x	
Tiêu chí 3.6	0	x	x	
Tiêu chuẩn 4	Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội			
Tiêu chí 4.1	0	x	x	x
Tiêu chí 4.2	0	x	x	x
Tiêu chuẩn 5	Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo			
Tiêu chí 5.1	0	x	x	x
Tiêu chí 5.2	0	x	x	x
Tiêu chí 5.3	0	x	x	
Tiêu chí 5.4	0	x	x	x

Tổng số các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25; Tỷ lệ: 100%;

Tổng số các tiêu chí đạt Mức 2: 25/25; Tỷ lệ: 100%;

Tổng số các tiêu chí đạt Mức 3: 16/19; Tỷ lệ: 84%.

Tổng số tiêu chí không đạt Mức 3: 3/19; Tỷ lệ: 16%.

Kết quả: Đạt mức 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục

2.1. Kết quả đánh giá ngoài và Công nhận đạt Trường MN Diễn Thái đạt Kiểm định chất lượng giáo dục lần 1:Năm học: 2015 - 2016. Ngày: 08/8/2016. Đạt: Cấp độ: 3

2.2. Kết quả đánh giá ngoài và Công nhận Trường mầm non Diễn Thái đạt Kiểm định chất lượng giáo dục lần 2:Năm học: 2022 – 2023 theo Số Quyết định: 1065/QĐ-SGD&ĐT Nghệ An ngày: 24/7/2023. Đạt: Cấp độ: 2

2,3 .Kế hoạch cải tiến. Hàng năm nhà trường tiếp tục chỉ đạo Cải tiến chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá. Lưu trữ hồ sơ, xây dựng cơ sở vật chất, nâng chất lượng các tiêu chuẩn, rà soát các chỉ số, tiêu chí theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm thực hiện quy trình và đúng tiến độ đánh giá chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, hiệu quả đồng thời nâng cao vai trò. trách nhiệm của đội ngũ trong thực hiện kế hoạch, các biện pháp cải tiến và đảm bảo chất lượng giáo dục.

3. Kết quả trường chuẩn quốc gia.

- 3.1. Trường MN Diên Thái được công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia (mức độ 1) lần 1. Năm học: 2005– 2006. Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia ngày 01/06/2. Đạt: Mức độ: 1
- 3.2. Trường MN Diên Thái được công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 1, lần 2 (công nhận lại): Năm học: 2016 – 2017. Số Quyết định: 2802/QĐ-UBND Tỉnh Nghệ An ngày: 27/6/201 Đạt: Mức độ 1
- 3.3. Trường MN Diên Thái công nhận Trường đạt chuẩn quốc gia - mức độ 1, lần 3 (công nhận lại): Năm học: 2022 – 2023. Số Quyết định: 2474/QĐ-UBND Tỉnh nghệ An ngày: 11/8/2023. Đạt: Mức độ 1

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học: 2025- 2026

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin;

Thực hiện theo Biên bản phê duyệt kết quả tuyển sinh của Phòng giáo dục và Đào tạo Diên Châu ngày 20/06/2025.

- Số lớp tuyển sinh: 15lớp ; Tổng số trẻ theo kế hoạch 420 cháu

Trong đó : + Nhà trẻ 24 – 36 tháng : 3 nhóm 75 trẻ.

+ Mẫu Giáo 3 – 4 tuổi: 4 lớp; 90 Trẻ

+ Mẫu Giáo 4 – 5 tuổi: 4 lớp 120 Trẻ.

+ Mẫu Giáo 5 – 6 tuổi: 4 lớp 135 trẻ

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 11/6/2025 đến ngày 12/6/2025

b. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Triển khai thực hiện kế hoạch GD số 140/KH-MNDT ngày 10 tháng 9 năm 2024 của trường Mầm non Diên Thái

c. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

-. Tiếp tục duy động 100% trẻ ăn bán trú tại trường. Nhà trẻ ăn 02 bữa chính và 01 bữa phụ; mẫu giáo ăn 01 bữa chính và 01 bữa phụ. Bữa ăn của trẻ đảm bảo 4 nhóm thực phẩm chính như là: Gluxit, Protein. Chất béo, Vitamin và khoáng chất.

- Tăng cường trồng rau sạch theo mùa để phục vụ bán trú, đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ tại trường mầm non. Chế biến món ăn hàng ngày phải theo đúng thực đơn, đủ định lượng theo mức tiền ăn của trẻ. Mỗi món ăn cần quan tâm giá trị dinh dưỡng và giá trị cảm quan để món ăn vừa ngon, vừa đẹp và hấp dẫn kích thích trẻ ăn ngon miệng và ăn hết suất. Ngoài ra bữa phụ chiều của trẻ cũng được tự tay nhân viên nấu ăn chế biến, được đổi món theo tuần và theo mùa, hạn chế tối đa bữa phụ là thức ăn chế biến sẵn

-. Xây dựng thực đơn khẩu phần của trẻ bằng phần mềm dinh dưỡng đảm bảo đủ dinh dưỡng, cân đối, hợp lý theo mùa phù hợp theo độ tuổi và điều kiện của địa phương

- Quản lý chặt chẽ công tác xuất nhập thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm; chất lượng bữa ăn đảm bảo công khai minh bạch chế độ ăn, thực đơn của trẻ hàng ngày tại bảng công khai; thực hiện các khoản thu, chi bán trú theo thỏa thuận của phụ huynh: Tiền ăn của trẻ 20.000đ/

ngày/trẻ;

- Đảm bảo đủ nước uống cho trẻ vệ sinh và phù hợp với thời tiết. Đặc biệt là mùa đông luôn có nước ấm cho trẻ uống và phải đảm bảo cho trẻ uống đủ lượng nước theo quy định của Chương trình GDMN;

- Thực hiện nghiêm túc quy trình bếp 1 chiều, thực hiện nhiệm vụ phân công theo dây chuyền bổ sung đồ dùng dụng cụ tổ chức bán trú đảm bảo đầy đủ, chất lượng tốt, hợp vệ sinh theo quy định.

- Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Sữa học đường, huy động 100% trẻ tham gia chương trình sữa học đường. Có biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối khi tiếp nhận sữa, bảo quản sữa, phòng tránh ngộ độc cho trẻ trong quá trình sử dụng sữa.

- Phối hợp với trạm Y tế thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ tại các nhóm lớp; Thực hiện nghiêm túc các quy định về Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học. Đảm bảo 100% trẻ đến trường được khám sức khỏe ít nhất 1 lần/ năm và cân, đo theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng 3 lần/ năm, đối với trẻ SDD, trẻ béo phì thì cân hàng tháng để theo dõi sự phục hồi của trẻ. Phần đầu tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm dưới 2% và suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 4% không chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì dưới 0,2%:

- Xây dựng kế hoạch và các giải pháp phối hợp với gia đình có chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với những trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.

- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho các nhóm lớp, 100% trẻ có đồ dùng vệ sinh cá nhân có ký hiệu riêng (cốc, khăn, bàn chải đánh răng, gối...) thường xuyên rèn các thao tác vệ sinh cho trẻ, đảm bảo các thao tác trở thành kỹ năng.

- Các lớp thực hiện vệ sinh đúng lịch hàng ngày, tuần: vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng học, vệ sinh đồ dùng đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác thải theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục nhà trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

- Thực hiện chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh

2. Thông tin về kết quả chăm sóc giáo dục thực tế của năm học: 2024- 2025

a, Thông tin học sinh

STT	Nội dung	Kết quả
1	Tổng số lớp	15
2	Tổng số trẻ	454
2.1	Trẻ nhà trẻ 24-36 tháng	53
2.2	Trẻ mẫu giáo 3- 4 tuổi	124

2.3	Trẻ mẫu giáo 4 -5 tuổi	134
2.4	Trẻ mẫu giáo 5- 6 tuổi	143
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	- Nhà trẻ: 26 trẻ/lớp - Mẫu giáo 30,4 trẻ/lớp
4	Số trẻ học 02 ngày/buổi	454
5	Số trẻ được tổ chức học ăn bán trú	454
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	454
6.1	Số trẻ cân nặng bình thường	445/454, Tỷ lệ 98%
6.2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	6/454; Tỷ lệ 1.3%
6.3	Số trẻ có chiều cao bình thường	427/454; Tỷ lệ 94,2%
6.4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	24/454. Tỷ lệ 5,2%
6.5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>	2/454; Tỷ lệ; 0,4%
7	Số trẻ khuyết tật	2

b. Kết quả giáo dục

* Kết quả đánh giá trẻ theo từng lĩnh vực ;

Trẻ nhà trẻ 24 – 36 tháng tuổi

Tổng số	Lĩnh vực PTTC		Lĩnh vực PTNT		Lĩnh vực PTNN		Lĩnh vực PTXH		Đánh giá chung	
	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt
53	46	7	43	10	46	7	52	1	46	7
100%	87%	13%	81%	19%	87%	13%	98%	2%	88,%	12%

* Kết quả đánh giá trẻ theo từng lĩnh vực/

Trẻ mẫu giáo

Tổng số	Lĩnh vực PTTC		Lĩnh vực PTNT		Lĩnh vực PTNN		Lĩnh vực PTM		Lĩnh vực PTCXH		Đánh giá chung	
	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt	Đạt	C.Đạt
401	390	11	368	33	384	17	376	25	390	11	382	19
100%	97%	3%	92%	8%	96%	4%	97%	3%	94%	6%	96%	4,%

d .Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên

- Đánh giá xếp loại Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo nghị định số 90/2020/NĐ-

CP ngày 13/8/2020:

+ CBQL: Hiệu trưởng xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 1 đ/c PHT xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 1 đ/c PHT xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Giáo viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 6/30 tỷ lệ 20%. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 24/30- tỷ lệ 80%

+ Nhân viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 1, tỷ lệ 100%

- Đánh giá xếp loại CBQL GV theo chuẩn Hiệu trưởng, giáo viên trường MN (Thông tư số 25, Thông tư số 26): Năm học 2024- 2025. Kết quả tự đánh giá như sau

+ CBQL: Xếp loại tốt 3/3, tỷ lệ 100%

+ GV: Xếp loại Tốt: 29/30 - tỷ lệ 96,6 %. Xếp loại Khá: 1/30- tỷ lệ 3,4%

- Đánh giá xếp loại nhà trường theo nghị định số 90/2020/NĐ-CP: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Công tác thi đua khen thưởng:

Lao động tiên tiến: 34/34 người, tỷ lệ 100%, Chiên sỹ thi đua cơ sở: 14/ người, UBND Huyện tặng khen: 01 người. UBND Tỉnh tặng bằng khen 1 người

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

Trường thực hiện chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo có 174 trẻ tham gia

VI: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác); (Tính đến 30/6/2025)

I	Thu từ ngân sách	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Dư đến 30/06/2025
1	Ngân sách nhà nước cấp chi lương các khoản đóng góp theo lương	0	6.545.496.000	3.552.349.700	2.993.146.300
2	Tiền thưởng theo NĐ 73 năm 2025	0	337.213.000		337.213.000
3	Chế độ chi phí học tập+MGHP+ăn trưa		226.220.000	144.752.000	81.468.000
4	Ngân sách nhà nước cấp chi hoạt động		347.000.000	190.542.500	156.457.500

	thường xuyên năm học 2024-2025				
	CỘNG NGÂN SÁCH	0	7.455.929.000	3.887.644.200	3.568.284.800
II	CÁC KHOẢN THU TỪ NGUỒN THU NHÀ TRƯỜNG				
1	Thu từ học phí	17.519.690	406.350.000	396.728.338	27.141.352
2	Thu từ vận động tài trợ	2.091.600	136.413.000	138.504.600	0
3	Thu tiền CSSK ban đầu	840.506	23.980.455	5.060.000	19.760.961
4	Thu tiền Tiếng Anh tăng cường	0	102.280.000	98.189.000	4.091.000
5	Thu từ nguồn chi phí bán trú	360.000	466.165.000	466.525.000	0
6	Thu tiền ăn bán trú	0	1.262.712.000	1.262.712.000	0
	Cộng KP được sử dụng của nhà trường	20.811.796	2.397.900.455	2.367.718.938	50.993.313
III	KP còn lại sử dụng trong năm (I+II)	20.811.796	9.853.829.455	6.255.363.138	3.619.278.113
	I.Trong đó NguồnNgân sách	0	7.455.929.000	3.887.644.200	3.568.284.800
	II. Nguồn KP nhà trường	20.811.796	2.397.900.455	2.367.718.938	50.993.313

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Ứng dụng phương pháp tiên tiến trên thế giới và CNTT, chuyển đổi số vào chương

trình giáo dục nhà trường như: Montessori, steam, phần mềm canva.....

- Triển khai chương trình tiếng anh tăng cường cho trẻ mẫu giáo

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Mầm non Diên Thái.

HIỆU TRƯỞNG



(Signature)
Nguyễn Thị Lý